

TỔNG HỢP CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI QUẢ TẾT NGUYÊN ĐÁN BÌNH NGỌ 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 41/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2025 CỦA HĐND THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số : QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Yết Kiêu)

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Đối tượng															Dự toán kinh phí (mức tặng quà cao nhất nếu thuộc nhiều nhóm đối tượng)		Ghi chú							
						A1 (mức tặng quà 6trd/dt)	A2 (mức tặng quà 6trd/dt)	A3 (mức tặng quà 4trd/dt)	A4 (mức tặng quà 4trd/dt)	A5 (mức tặng quà 3trd/dt)	A6 (mức tặng quà 2trd/dt)	B1 (mức tặng quà 6trd/dt)	C1 (mức tặng quà 7trd/dt)	C2 (mức tặng quà 6trd/dt)	C3 (mức tặng quà 1,5trd/dt)	C4 (mức tặng quà 0,65trd/dt)	D1 (mức tặng quà 2trd/dt)	D2 (mức tặng quà 1trd/dt)	D3 (mức tặng quà 0,8trd/dt)	D4 (mức tặng quà 0,7trd/dt)	D5 (mức tặng quà 0,6trd/dt)	Nhóm đối tượng được tặng quà		Số tiền						
A	B	C	D	E	G	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19						
	Tổng cộng					Không có đối tượng															1	1	0	10	95	92	232	431	291,750,000	
1	Đoàn Văn Chiêu	1963	thôn Vô Lương	Quản chủng Hải quân	Thiếu tướng, Chuẩn Đô											X								C3	1,500,000					
2	Phạm Quang Nêu	1962	thôn Hạ Bì		Đại tá QĐ												X								C4	650,000				
3	Tướng Hay	1928	thôn Hưng Long		Cán bộ TCHC													X							D2	1,000,000				
4	Đỗ Văn Vu	1928	thôn Gạch		Đảng viên													X							D2	1,000,000				
5	Vũ Văn Sáng	1934	thôn Thương Bì		Đại tá QĐ													X							D2	1,000,000				
6	Phạm Đình Quýt	1929	thôn Hạ Bì		Đảng viên													X							D2	1,000,000				
7	Lương Văn Hương	1928	thôn Anh		Đảng viên													X							D2	1,000,000				
8	Đoàn Văn Tiếm	1937	thôn Vô Lương		Phó GD TTYT huyện													X							D2	1,000,000				
9	Phạm Quang Cơ	1936	thôn Lương Xá		Đảng viên													X							D2	1,000,000				
10	Nguyễn Văn Thơ	1938	thôn Anh		Đảng viên													X							D2	1,000,000				
11	Lương Thị Quy	1932	thôn Anh		Đảng viên													X							D2	1,000,000				
12	Nguyễn Văn Lạp	1932	thôn Bùi Hạ		Đảng viên													X							D2	1,000,000				
13	Phạm Thị Ninh	1939	thôn Quỳnh Huế		Đảng viên														x						D3	800,000				
14	Nguyễn Bá Xuyên	1937	thôn Quỳnh Huế		Hat phó BD DB TL														x						D3	800,000				
15	Phạm Thị Xuân	1940	thôn Trung		Cán bộ phòng TC														x						D3	800,000				
16	Nguyễn Văn Toạ	1934	thôn Trung		Hội phó hội PN xã														x						D3	800,000				
17	Đoàn Văn Sén	1932	thôn Vô Lương		Công nhân														x						D3	800,000				
18	Phạm Kim Kôi	1937	thôn Vô Lương		Phòng TL Gia Lộc														x						D3	800,000				
19	Vũ Thị Hạnh	1954	thôn Bá Đại		Phó phòng CA tỉnh														x						D3	800,000				
20	Phạm Thị Thanh	1942	thôn Trịnh Thanh Vân		CTUBND xã														x						D3	800,000				
21	Phạm Hữu Diên	1933	thôn Trịnh Thanh Vân		BCH phụ nữ														x						D3	800,000				
22	Trịnh Văn Kỳ	1940	thôn Trịnh Thanh Vân		PBTCHU CT														x						D3	800,000				

55	Nguyễn Thị Sợi	1947	thôn Quỳnh Huế	Công nhân XNLT															x			D3	800,000
56	Vũ Văn Nhất	1941	thôn Quỳnh Huế	Thủ kho HTX															x			D3	800,000
57	Phạm Thị Bóc	1949	thôn Trung	Bộ đội nghi chế độ															x			D3	800,000
58	Vũ Minh Hược	1945	thôn Bá Đại	Đảng viên															x			D3	800,000
59	Trần Thị Tâm	1943	thôn Bá Đại	P CTUBMTTO															x			D3	800,000
60	Đàm Khắc Lãm	1946	thôn Trịnh Thanh Vân	CT Hội Phụ nữ															x			D3	800,000
61	Vũ Thị Hến	1947	thôn Trịnh Thanh Vân	Cán bộ ĐT															x			D3	800,000
62	Đỗ Thị Hiền	1949	thôn Trịnh Thanh Vân	BCH Phụ nữ															x			D3	800,000
63	Đàm Khắc Tạo	1939	thôn Trịnh Thanh Vân	GV nghỉ hưu															x			D3	800,000
64	Đàm Khắc Niệm	1938	thôn Trịnh Thanh Vân	CT Hội Nông dân															x			D3	800,000
65	Phạm Thị Thọa	1949	thôn Khuông	Cán bộ ĐDT															x			D3	800,000
66	Vũ Văn Lương	1937	thôn Thương Bi	Giáo viên															x			D3	800,000
67	Vũ Thị Hồng Trai	1948	thôn Thương Bi	Đảng viên															x			D3	800,000
68	Đoàn Văn Xuyên	1948	thôn Thương Bi	Giáo viên															x			D3	800,000
69	Vũ Văn Hiền	1948	thôn Thương Bi	Công nhân															x			D3	800,000
70	Nguyễn Phương Nút	1947	thôn Thương Bi	Bộ đội															x			D3	800,000
71	Bùi Công Đăng	1943	thôn Hoàng Kim	Công nhân															x			D3	800,000
72	Trần Đình Kiểm	1948	thôn Hoàng Kim	Bộ đội															x			D3	800,000
73	Nguyễn Thị Muôn	1949	thôn Hoàng Kim	Bộ đội															x			D3	800,000
74	Phạm Hữu Lương	1937	thôn Hạ Bi	Công nhân															x			D3	800,000
75	Phạm Đắc Thấu	1940	thôn Hạ Bi	Đảng viên															x			D3	800,000
76	Vũ Thị Toán	1942	thôn Thương Bi	Bộ đội															x			D3	800,000
77	Vũ Đăng Diễm	1927	thôn Thương Bi	Đảng viên															x			D3	800,000
78	Vũ Xuân Thịnh	1940	thôn Văn Am	Đảng viên															x			D3	800,000
79	Lê Thị Tình	1948	thôn Văn Am	Hưu xã															x			D3	800,000
80	Nguyễn Văn Tề	1950	thôn Lương Xá	CTHội LHPN xã															x			D3	800,000
81	Phạm Đình Bên	1939	thôn Lương Xá	Đảng viên															x			D3	800,000
82	Vũ Thị Hương	1944	thôn Lương Xá	Đảng viên															x			D3	800,000
83	Phạm Tấn Thái	1947	thôn Lương Xá	Đảng viên															x			D3	800,000
84	Phạm Văn Hạnh	1945	thôn Gạch	Đảng viên															x			D3	800,000
85	Nguyễn Minh Thu	1942	thôn Gạch	Đảng viên															x			D3	800,000
86	Tăng Đức Đận	1940	thôn Huyền Bùa	Đảng viên															x			D3	800,000

87	Tăng Thị Hên	1945	thôn Huyền Búa		Đảng viên															x			D3	800,000	
88	Vũ Văn Bàn	1938	thôn Huyền Búa		Đảng viên															x			D3	800,000	
89	Phạm Quang Đức	1945	thôn Khăn		Đảng viên															x			D3	800,000	
90	Vũ Thị Biểu	1947	thôn Khăn		Đảng viên															x			D3	800,000	
91	Phạm Văn Vĩnh	1939	thôn Khăn		Đảng viên															x			D3	800,000	
92	Vũ Xuân Khởi	1943	thôn Phương Xá		Đảng viên															x			D3	800,000	
93	Phạm Trọng Khởi	1943	thôn Lại		Đảng viên															x			D3	800,000	
94	Vũ Thị Cánh	1941	thôn Lại		Đảng viên															x			D3	800,000	
95	Bùi Văn Điều	1933	thôn Lại		Đảng viên															x			D3	800,000	
96	Lê Xuân Thuyết	1940	thôn Anh		Đảng viên															x			D3	800,000	
97	Lương Văn Kinh	1940	thôn Anh		Đảng viên															x			D3	800,000	
98	Nguyễn Thị Đáo	1939	thôn Già		Đảng viên															x			D3	800,000	
99	Phạm Thị Chuyên	1949	thôn Già		Đảng viên															x			D3	800,000	
100	Nguyễn Văn Vẫy	1940	thôn Già		Đảng viên															x			D3	800,000	
101	Phạm Văn Đáp	1940	thôn Bùi Thương		Đảng viên															x			D3	800,000	
102	Nguyễn Thành Nghiệp	1942	thôn Bùi Thương		Đảng viên															x			D3	800,000	
103	Vũ Thiệu	1944	thôn Bùi Hạ		Đảng viên															x			D3	800,000	
104	Phạm Văn Tiếp	1940	thôn Bùi Hạ		Đảng viên															x			D3	800,000	
105	Phạm Công Mệnh	1944	thôn Bùi Hạ		Đảng viên															x			D3	800,000	
106	Nguyễn Văn Huy	1937	thôn Bùi Hạ		Đảng viên															x			D3	800,000	
107	Phạm Thị Vách	1949	thôn Đôi Hống		Đảng viên															x			D3	800,000	
108	Hoàng Văn Trước	1939	thôn Khay		Bộ đội phục viên																x		D4	700,000	
109	Phạm Văn Tuyên	1948	thôn Ty		Bộ đội phục viên																x		D4	700,000	
110	Phạm Văn An	1944	thôn Vô Lương		Công nhân nghỉ hưu																x		D4	700,000	
111	Trần Xuân Luận	1947	thôn Vô Lương		Bộ đội nghỉ hưu																x		D4	700,000	
112	Đoàn Xuân Sánh	1950	thôn Vô Lương		Cán bộ xã nghỉ hưu																x		D4	700,000	
113	Đoàn Văn Xây	1954	thôn Vô Lương		NV trung tâm khai thác vận																x		D4	700,000	
114	Trần Huy Liệu	1952	thôn Vô Lương		Bộ đội nghỉ hưu																x		D4	700,000	
115	Phạm Thị Nhường	1948	thôn Vô Lương		Cán bộ xã nghỉ hưu																x		D4	700,000	
116	Nguyễn Văn Miên	1937	thôn Quỳnh Huế		Bộ đội phục viên																x		D4	700,000	
117	Trần Văn Xuyên	1950	thôn Quỳnh Huế		Công nhân nghỉ hưu																x		D4	700,000	
118	Phạm Văn Mục	1952	thôn Quỳnh Huế		Cán bộ địa chính xã																x		D4	700,000	

151	Vũ Văn Đáng	1954	thôn Quỳnh Huê		Bộ đội phục viên														x		D4	700,000	
152	Nguyễn Văn Khánh	1948	thôn Quỳnh Huê		Kế toán NS xã														x		D4	700,000	
153	Nguyễn Văn Vẹo	1958	thôn Quỳnh Huê		Bộ đội phục viên														x		D4	700,000	
154	Lê Tuấn Nghiêm	1957	thôn Quỳnh Huê		Bộ đội phục viên														x		D4	700,000	
155	Phạm Văn Cam	1954	thôn Quỳnh Huê		Chủ tịch HND xã														x		D4	700,000	
156	Nguyễn Ngọc Dung	1958	thôn Trung		Bộ đội phục viên														x		D4	700,000	
157	Nguyễn Văn Thúc	1959	thôn Trung		Bộ đội phục viên														x		D4	700,000	
158	Đoàn Văn Dương	1955	thôn Vô Lương		Chủ tịch HCCB xã														x		D4	700,000	
159	Đoàn Hồng Đán	1956	thôn Vô Lương		CB Bưu điện nghỉ hưu														x		D4	700,000	
160	Phạm Văn Chuông	1960	thôn Vô Lương		Bí thư Đảng ủy xã														x		D4	700,000	
161	Nguyễn Văn Kỳ	1959	thôn Vô Lương		Cán bộ xã nghỉ hưu														x		D4	700,000	
162	Trần Văn Tuấn	1949	thôn Bá Đại		Trưởng thôn														x		D4	700,000	
163	Trần Văn Thanh	1952	thôn Bá Đại		Chủ tịch UBND														x		D4	700,000	
164	Lê Văn Tý	1954	thôn Trinh Thanh Vân		Bí thư Đảng bộ														x		D4	700,000	
165	Vũ Quý Thủy	1952	thôn Trinh Thanh Vân		CT cao tuổi														x		D4	700,000	
166	Lê Văn Yên	1948	thôn Trinh Thanh Vân		Đảng viên														x		D4	700,000	
167	Phạm Hữu Khuyến	1947	thôn Trinh Thanh Vân		Đại úy nghỉ hưu														x		D4	700,000	
168	Lê Huy Du	1954	thôn Trinh Thanh Vân		Bộ đội phục biên														x		D4	700,000	
169	Vũ Văn Đâu	1950	thôn Hưng Long		Trung đoàn 182														x		D4	700,000	
170	Bùi Thị Xuê	1950	thôn Khuông		Giáo viên														x		D4	700,000	
171	Đoàn Thị Hiền	1951	thôn Khuông		Công nhân														x		D4	700,000	
172	Phạm Đình Thới	1957	thôn Thương Bi		Chủ tịch CCB														x		D4	700,000	
173	Lê Công Hiến	1958	thôn Thương Bi		Đảng viên														x		D4	700,000	
174	Phạm Đình Hữu	1960	thôn Thương Bi		Y sĩ														x		D4	700,000	
175	Lê Bá Chùng	1958	thôn Thương Bi		PBT TT xã														x		D4	700,000	
176	Lê Bá Biêng	1950	thôn Thương Bi		Công nhân														x		D4	700,000	
177	Lê Bá Lành	1952	thôn Thương Bi		VP UBND xã														x		D4	700,000	
178	Vũ Ngọc Nghị	1955	thôn Hoàng Kim		CT UBND														x		D4	700,000	
179	Vũ Quốc Thọ	1960	thôn Hoàng Kim		Đảng viên														x		D4	700,000	
180	Phạm Công Luyến	1938	thôn Hạ Bi		Công nhân														x		D4	700,000	
181	Bùi Công Vạn	1951	thôn Hạ Bi		Công an														x		D4	700,000	
182	Nguyễn Xuân Đình	1960	thôn Hạ Bi		Bộ đội														x		D4	700,000	

215	Nguyễn Văn Soái	1964	thôn Quỳnh Huế	Bộ đội xuất ngũ																x	D5	600,000		
216	Trần Văn Xây	1963	thôn Quỳnh Huế	Bộ đội xuất ngũ																	x	D5	600,000	
217	Phạm Đăng Khơ	1966	thôn Quỳnh Huế	Bộ đội xuất ngũ																	x	D5	600,000	
218	Nguyễn Hữu Bích	1960	thôn Vô Lương	Bộ đội phục viên																	x	D5	600,000	
219	Đoàn Văn Bóc	1960	thôn Vô Lương	Bộ đội phục viên																	x	D5	600,000	
220	Đoàn Văn Ngân	1942	thôn Vô Lương	Bộ đội nghỉ hưu																	x	D5	600,000	
221	Phạm Thị Thư	1957	thôn Vô Lương	Cán bộ xã nghỉ hưu																	x	D5	600,000	
222	Đoàn Văn Lên	1955	thôn Vô Lương	Bộ đội phục viên																	x	D5	600,000	
223	Đặng Thị Lự	1957	thôn Vô Lương	CB nghiên cứu VC																	x	D5	600,000	
224	Trần Văn Dung	1958	thôn Vô Lương	Không chuyên trách xã																	x	D5	600,000	
225	Đoàn Văn Tý	1959	thôn Vô Lương	Đảng viên																	x	D5	600,000	
226	Đoàn Hữu Dực	1952	thôn Vô Lương	Hưu trí																	x	D5	600,000	
227	Lê Văn Cẩm	1957	thôn Vô Lương	Công nhân nghỉ hưu																	x	D5	600,000	
228	Đoàn Văn Bức	1960	thôn Vô Lương	Công nhân nghỉ hưu																	x	D5	600,000	
229	Đoàn Văn Ban	1960	thôn Vô Lương	Bộ đội xuất ngũ																	x	D5	600,000	
230	Phạm Văn Quyển	1964	thôn Ty	Bộ đội xuất ngũ																	x	D5	600,000	
231	Phạm Văn Dội	1957	thôn Trung	Hưu trí																	x	D5	600,000	
232	Nguyễn Văn Bắc	1960	thôn Trung	Bộ đội phục viên																	x	D5	600,000	
233	Nguyễn Văn Đình	1962	thôn Trung	Chủ tịch UBND xã																	x	D5	600,000	
234	Phạm Văn Tươi	1963	thôn Trung	Bộ đội xuất ngũ																	x	D5	600,000	
235	Nguyễn Đức Hạnh	1961	thôn Khay	Công nhân nghỉ hưu																	x	D5	600,000	
236	Vũ Văn Liễu	1960	thôn Khay	Bộ đội phục viên																	x	D5	600,000	
237	Nguyễn Văn Đào	1963	thôn Khay	Bộ đội xuất ngũ																	x	D5	600,000	
238	Phạm Văn Quảng	1960	CSTT MN Thiên thần	Hưu trí																	x	D5	600,000	
239	Lê Văn Hữu	1963	thôn Bá Đại	TB TTND																	x	D5	600,000	
240	Đình Văn Sáng	1962	thôn Trịnh Thanh Vân	BT Đảng bộ																	x	D5	600,000	
241	Lê Bá Trường	1961	thôn Trịnh Thanh Vân	CT UBND																	x	D5	600,000	
242	Phạm Hữu Du	1962	thôn Trịnh Thanh Vân	Địa chính																	x	D5	600,000	
243	Lê Văn Vinh	1959	thôn Trịnh Thanh Vân	CNHTX điện																	x	D5	600,000	
244	Vũ Bá Dũng	1959	thôn Trịnh Thanh Vân	Trung tá																	x	D5	600,000	
245	Lê Xuân Thiên	1955	thôn Trịnh Thanh Vân	Công nhân																	x	D5	600,000	
246	Đàm Khắc Kiểm	1964	thôn Trịnh Thanh Vân	Đại tá																	x	D5	600,000	

247	Vũ Văn Tĩnh	1960	thôn Hưng Long		TB Thứ y															x	D5	600,000	
248	Bùi Công Tuấn	1963	thôn Khuông		CT UBND xã															x	D5	600,000	
249	Đoàn Văn Cờ	1960	thôn Thương Bi		CN Hạt GT															x	D5	600,000	
250	Vũ Văn Thành	1959	thôn Thương Bi		Công an viên															x	D5	600,000	
251	Lê Thị Tý	1959	thôn Thương Bi		Đảng viên															x	D5	600,000	
252	Vũ Ngọc Thám	1956	thôn Thương Bi		Đảng viên															x	D5	600,000	
253	Vũ Tuấn Quân	1960	thôn Thương Bi		Đảng viên															x	D5	600,000	
254	Vũ Văn Sự	1942	thôn Thương Bi		Bộ đội															x	D5	600,000	
255	Phạm Thị Sậu	1958	thôn Thương Bi		Y sĩ															x	D5	600,000	
256	Lê Bá Hoàn	1963	thôn Thương Bi		Bi thư CB															x	D5	600,000	
257	Vũ Ngọc Đường	1952	thôn Hoàng Kim		Đảng viên															x	D5	600,000	
258	Vũ Nhân Nhã	1960	thôn Hoàng Kim		Đảng viên															x	D5	600,000	
259	Vũ Ngọc Đông	1960	thôn Hoàng Kim		Bộ đội															x	D5	600,000	
260	Vũ Nhân Bản	1962	thôn Hoàng Kim		Đảng viên															x	D5	600,000	
261	Phạm Thị Huệ	1962	thôn Hạ Bi		Hiệu trưởng MN															x	D5	600,000	
262	Vũ Đình Hằng	1957	thôn Hạ Bi		Bộ đội															x	D5	600,000	
263	Bùi Xuân Hồng	1965	thôn Hạ Bi		Bi thư CB															x	D5	600,000	
264	Nguyễn Xuân Vàng	1964	Thôn Hạ Bi		Trạm Trưởng															x	D5	600,000	
265	Nguyễn Hữu Lệnh	1961	thôn Thương Bi		Bi thư ĐU															x	D5	600,000	
266	Vũ Xuân Nhắc	1960	thôn Thương Bi		Công nhân															x	D5	600,000	
267	Phạm Đình Sánh	1949	thôn Thương Bi		Đảng viên															x	D5	600,000	
268	Vũ Đăng Đạc	1963	thôn Thương Bi		Bi thư CB															x	D5	600,000	
269	Vũ Đình Thắng	1958	thôn Văn Am		Bi thư CB															x	D5	600,000	
270	Lê Lương Tâm	1957	thôn Văn Am		Bộ đội															x	D5	600,000	
271	Vũ Quý Khôi	1948	thôn Văn Am		BS BV Gia Lộc															x	D5	600,000	
272	Vũ Xuân Toàn	1955	thôn Lương Xá		Thượng tá															x	D5	600,000	
273	Vũ Văn Ban	1959	thôn Lương Xá		Đảng viên															x	D5	600,000	
274	Phạm Văn Mến	1949	thôn Gạch		Đảng viên															x	D5	600,000	
275	Phạm Văn Tuấn	1959	thôn Huyền Búa		Đảng viên															x	D5	600,000	
276	Phạm Văn Sứt	1960	thôn Huyền Búa		Đảng viên															x	D5	600,000	
277	Tăng Đức Y	150	thôn Huyền Búa		Đảng viên															x	D5	600,000	
278	Tăng Đức Tập	1959	thôn Huyền Búa		Đảng viên															x	D5	600,000	

279	Tăng Đức Mười	1957	thôn Huyện Búa		Đảng viên															x	D5	600,000			
280	Tăng Đức Đồi	1959	thôn Huyện Búa		Đảng viên																x	D5	600,000		
281	Phạm Thị Thềm	1961	thôn Huyện Búa		Đảng viên																	x	D5	600,000	
282	Đỗ Thanh Mai	1960	thôn Khăn		Đảng viên																	x	D5	600,000	
283	Vũ Thị Hoà	1954	thôn Khăn		Đảng viên																	x	D5	600,000	
284	Phạm Văn Lôi	1963	thôn Khăn		Đảng viên																	x	D5	600,000	
285	Vũ Văn Luyện	1954	thôn Phương Xá		Đảng viên																	x	D5	600,000	
286	Vũ Thị Thuần	1954	thôn Phương Xá		Đảng viên																	x	D5	600,000	
287	Vũ Văn Mạnh	1960	thôn Phương Xá		Đảng viên																	x	D5	600,000	
288	Đoàn Duy Động	1959	thôn Chuối		Đảng viên																	x	D5	600,000	
289	Đoàn Đình Hậu	1957	thôn Chuối		Đảng viên																	x	D5	600,000	
290	Bùi Văn Thắng	1960	thôn Lại		Đảng viên																	x	D5	600,000	
291	Bùi Quang Phục	1957	thôn Lại		Đảng viên																	x	D5	600,000	
292	Lương Đức Tinh	1953	thôn Anh		Đảng viên																	x	D5	600,000	
293	Phạm Khắc Tuấn	1952	thôn Anh		Đảng viên																	x	D5	600,000	
294	Phạm Khắc Quảng	1957	thôn Anh		Đảng viên																	x	D5	600,000	
295	Nguyễn Thị Xa	1958	thôn Anh		Đảng viên																	x	D5	600,000	
296	Trần Đại Hải	1957	thôn Già		Đảng viên																	x	D5	600,000	
297	Phạm Văn Bộ	1964	thôn Già		Đảng viên																	x	D5	600,000	
298	Phạm Xuân Nhưõng	1943	thôn Bùi Thượng		Đảng viên																	x	D5	600,000	
299	Trần Văn Toàn	1964	thôn Bùi Thượng		Đảng viên																	x	D5	600,000	
300	Nguyễn Tiến Luật	1958	thôn Bùi Hạ		Đảng viên																	x	D5	600,000	
301	Phạm Văn ản	1964	thôn Bùi Hạ		Đảng viên																	x	D5	600,000	
302	Phạm Gia Miên	1960	thôn Dới Hống		Đảng viên																	x	D5	600,000	
303	Nguyễn Minh Khải	1958	thôn Dới Hống		Đảng viên																	x	D5	600,000	
304	Nguyễn Văn Tuấn	1963	thôn Dới Hống		Đảng viên																	x	D5	600,000	
305	Nguyễn Văn Long	1949	thôn Dới Hống		Đảng viên																	x	D5	600,000	
306	Phạm Văn Chiến	1964	thôn Dới Hống		Đảng viên																	x	D5	600,000	
307	Phạm Văn Diễn	1961	thôn Ty		Công nhân nghỉ hưu																	x	D5	600,000	
308	Trần Văn Tim	1958	thôn Ty		Công nhân nghỉ hưu																	x	D5	600,000	
309	Phạm Văn Hưng	1967	thôn Ty		Đảng viên																	x	D5	600,000	
310	Nguyễn Đức Hên	1962	thôn Quỳnh Huê		Đội phó đội xây dựng lâm																	x	D5	600,000	

343	Phạm Văn Hát	1967	thôn Trung		Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch															x	D5	600,000	
344	Phạm Xuân Lộc	1966	thôn Trung		Đảng viên															x	D5	600,000	
345	Vũ Văn Ban	1964	thôn Bá Đại		Công an về hưu															x	D5	600,000	
346	Trần Quang Đạt	1964	thôn Bá Đại		Đảng viên															x	D5	600,000	
347	Trần Quang Cứu	1959	thôn Bá Đại		Đảng viên															x	D5	600,000	
348	Vũ Thanh Mai	1965	thôn Bá Đại		Công nhân															x	D5	600,000	
349	Vũ Văn Chuy	1972	thôn Bá Đại		PBTIT															x	D5	600,000	
350	Lê Văn Phúc	1969	thôn Trịnh Thanh Vân		Đảng viên															x	D5	600,000	
351	Lê Bá Trương	1965	thôn Trịnh Thanh Vân		Trưởng thôn															x	D5	600,000	
352	Đàm Khắc Hùng	1962	thôn Trịnh Thanh Vân		PCT UBND															x	D5	600,000	
353	Nguyễn Văn Lâm	1964	thôn Trịnh Thanh Vân		Trưởng Công an															x	D5	600,000	
354	Lê Công Lân	1963	thôn Trịnh Thanh Vân		Cán bộ địa chính															x	D5	600,000	
355	Vũ Quý Cây	1967	thôn Trịnh Thanh Vân		HT Nông dân															x	D5	600,000	
356	Lê Văn Tiú	1955	thôn Trịnh Thanh Vân		CN HTX															x	D5	600,000	
357	Đình Công Trình	1969	thôn Trịnh Thanh Vân		PCTHND															x	D5	600,000	
358	Đàm Khắc Vạn	1962	thôn Trịnh Thanh Vân		PCHTQS															x	D5	600,000	
359	Vũ Văn Toàn	1971	thôn Trịnh Thanh Vân		Đảng viên															x	D5	600,000	
360	Đỗ Hữu Thanh	1960	thôn Trịnh Thanh Vân		Công an															x	D5	600,000	
361	Vũ Quý Duệ	1969	thôn Trịnh Thanh Vân		Đảng viên															x	D5	600,000	
362	Đỗ Hữu Sứ	1970	thôn Trịnh Thanh Vân		công chức xã															x	D5	600,000	
363	Vũ Đình Chín	1962	thôn Hưng Long		CT UBMTTQ															x	D5	600,000	
364	Phạm Văn Hạnh	1957	thôn Hưng Long		Phó TT y tế															x	D5	600,000	
365	Nguyễn Văn Tắc	1966	thôn Khuông		Bí thư CB															x	D5	600,000	
366	Lê Bá Lân	1958	thôn Thương Bi		CT ND															x	D5	600,000	
367	Lê Bá Hùng	1960	thôn Thương Bi		Phó CT UB															x	D5	600,000	
368	Phạm Quang Tú	1966	thôn Thương Bi		Thượng tá															x	D5	600,000	
369	Phạm Đình Thịnh	1962	thôn Thương Bi		Đảng viên															x	D5	600,000	
370	Trần Đình Bưởi	1966	thôn Hoàng Kim		Bí thư chi bộ															x	D5	600,000	
371	Vũ Ngọc Xuê	1969	thôn Hoàng Kim		CT UBND															x	D5	600,000	
372	Phạm Đình Điều	1966	thôn Hạ Bi		Đảng viên															x	D5	600,000	
373	Phạm Vĩnh Thành	1966	thôn Hạ Bi		Trung tá															x	D5	600,000	
374	Nguyễn Xuân Lộc	1966	thôn Hạ Bi		Đảng viên															x	D5	600,000	

407	Trần Văn Vệ	1965	thôn Chuối		Đảng viên																x	D5	600,000	
408	Nguyễn Đức Phong	1970	thôn Chuối		Đảng viên																x	D5	600,000	
409	Phạm Thanh Chương	1960	thôn Chuối		Đảng viên																x	D5	600,000	
410	Trần Văn Vang	1973	thôn Lai		Đảng viên																x	D5	600,000	
411	Lương Hoàng Đáng	1964	thôn Anh		Đảng viên																x	D5	600,000	
412	Lê Xuân Chừng	1970	thôn Anh		Đảng viên																x	D5	600,000	
413	Phạm Khắc Đại	1963	thôn Anh		Đảng viên																x	D5	600,000	
414	Nguyễn Huy Lương	1945	thôn Anh		Đảng viên																x	D5	600,000	
415	Lương Quang Thủy	1970	thôn Anh		Đảng viên																x	D5	600,000	
416	Đinh Mạnh Hàng	1954	thôn Anh		Đảng viên																x	D5	600,000	
417	Nguyễn Văn Tuyên	1965	thôn Già		Đảng viên																x	D5	600,000	
418	Phạm Văn Ton	1966	thôn Già		Đảng viên																x	D5	600,000	
419	Phạm Văn Doan	1964	thôn Bùi Thượng		Đảng viên																x	D5	600,000	
420	Phạm Hữu Lợi	1963	thôn Bùi Thượng		Đảng viên																x	D5	600,000	
421	Nguyễn Văn Xứng	1965	thôn Bùi Thượng		Đảng viên																x	D5	600,000	
422	Trần Văn Tuấn	1969	thôn Bùi Thượng		Đảng viên																x	D5	600,000	
423	Trần Thị Đại	1966	thôn Bùi Thượng		Đảng viên																x	D5	600,000	
424	Nguyễn Thị Vân	1971	thôn Bùi Hạ		Đảng viên																x	D5	600,000	
425	Nguyễn Văn Huân	1966	thôn Bùi Hạ		Chủ tịch Hội CTĐ																x	D5	600,000	
426	Phạm Gia Cảnh	1969	thôn Dới Hồng		Đảng viên																x	D5	600,000	
427	Vũ Văn Đông	1950	thôn Dới Hồng		Đảng viên																x	D5	600,000	
428	Vũ Thế Hùng	1956	thôn Dới Hồng		Đảng viên																x	D5	600,000	
429	Phạm Quang Sân	1966	thôn Dới Hồng		Đảng viên																x	D5	600,000	
430	Phạm Gia Vụ	1969	thôn Dới Hồng		Đảng viên																x	D5	600,000	
431	Phạm Văn Thi	1960	thôn Dới Hồng		Đảng viên																x	D5	600,000	

UBND XÃ YẾT KIÊU

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN BÍN
QUYẾT SỐ 41/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2025 CỦA HĐND**

STT	NHÓM ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG	ĐỊNH MỨC CHI
A	B	1	2
	Tổng cộng	431	5,250,000
1	C3	1	1,500,000
2	C4	1	650,000
3	D2	10	1,000,000
4	D3	95	800,000
5	D4	92	700,000
6	D5	232	600,000

Biểu 2c

**H NGỌ 2026 THEO NGHỊ
D THÀNH PHỐ**

Đơn vị tính: đồng

THÀNH TIỀN	Ghi chú
3	
291,750,000	
1,500,000	
650,000	
10,000,000	
76,000,000	
64,400,000	
139,200,000	